MỤC LỤC

I. Thông tin chung: 1

1. Thông tin khái quát: 1

2. Ngành nghề kinh doanh: 2

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý: 3

4. Định hướng phát triển: 4

5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, mục tiêu của Công ty: 5

II. Tình hình hoạt động trong năm: 9

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: 9

2. Tổ chức nhân sự: 9

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án. 11

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. 12

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc. 13

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh. 13

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. 14

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai. 15

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty. 15

1. Đánh giá : 15

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty. 16

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị. 17

V. Quản trị Công ty. 18

1. Hội đồng quản trị. 18

2. Ban Kiểm soát. 19

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát. 20

VI. Báo cáo tài chính. 21

1. Ý kiến kiểm toán. 21

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán. 21

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI NĂM 2016

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**
- Tên giao dịch quốc tế: **HA HAI RAILWAYS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**
- Trụ sở chính: Ngách 481/73, đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 04 3873.0146; Fax: 04 3873.0146
- Website: http://www.duongsathahai.vn/
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100769656 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2010 và thay đổi lần thứ 3 ngày 07/01/2016.
- Mã số thuế: 0100769656.

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải tiền thân là Đoạn công vụ Hà Hải trực thuộc Tổng cục đường sắt (nay là Tổng Công ty đường sắt Việt Nam) được thành lập tháng 8 năm 1945 với 250 lao động và trang thiết bị thô sơ, nhiệm vụ chủ yếu là phục vụ duy tu sửa chữa bảo dưỡng Đường sắt khu vực Hà Nội.
- Từ sau 30/4/1975, đất nước hoàn toàn giải phóng bắt đầu việc khai thác Đường sắt Bắc – Nam, Tổng cục đường sắt quyết định đổi tên Đoạn công vụ thành Đoạn cầu đường Hà Hải.
- Tháng 01 năm 1986, theo Quyết định số 21/QĐ-TCCB ngày 06/01/1986 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải giao thêm nhiệm vụ quản lý cầu Long Biên cho Đoạn cầu đường Hà Hải đồng thời giải thể Xí nghiệp cầu Long Biên, lúc này Đoạn cầu đường Hà Hải đổi tên thành Xí nghiệp đường sắt Hà Hải, trực thuộc Tổng cục đường sắt.
- Ngày 17/4/1998, Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ban hành Quyết định số 866/1998/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích. Xí nghiệp đường sắt Hà Hải được đổi tên thành Xí nghiệp quản lý Đường sắt Hà Hải, trực thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.
- Năm 2003, Chính phủ quyết định chuyển đổi Liên hiệp Đường sắt Việt Nam thành Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các Xí nghiệp quản lý đường sắt đổi tên thành các Công ty quản lý đường sắt do đó từ tháng 7/2003, Xí nghiệp quản lý đường sắt Hà Hải được đổi tên thành Công ty quản lý đường sắt Hà Hải, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

- Ngày 24/9/2010 Hội đồng thành viên Đường sắt Việt Nam có Quyết định số 1200/QĐ-ĐS về việc chuyển Công ty quản lý Đường sắt Hà Hải thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý Đường sắt Hà Hải.

- Ngày 30/10/2015, Bộ giao thông vận tải có Quyết định số 3908/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Hà Hải thuộc Tổng công ty đường sắt Việt Nam.

- Ngày 29/12/2015, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất về việc thành lập Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải. Với số cổ đông là 751 cổ đông.

- Ngày 07/01/2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100769656 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 01 năm 2016 với số vốn điều lệ là 13.800.000.000 đồng (Mười ba tỷ tám trăm triệu đồng).

- Ngày 20/10/2016 Công ty đã chốt danh sách là 375 cổ đông để tham gia giao dịch trên sàn UpCom - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ngày 08/02/2017 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Quyết định 87/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom và Thông báo số 172/TB-SGDHN ngày 10/02/2017 về việc chính thức ngày giao dịch đầu tiên của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải là ngày 17/02/2017.

2. Ngành nghề kinh doanh.

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê xe có động cơ.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

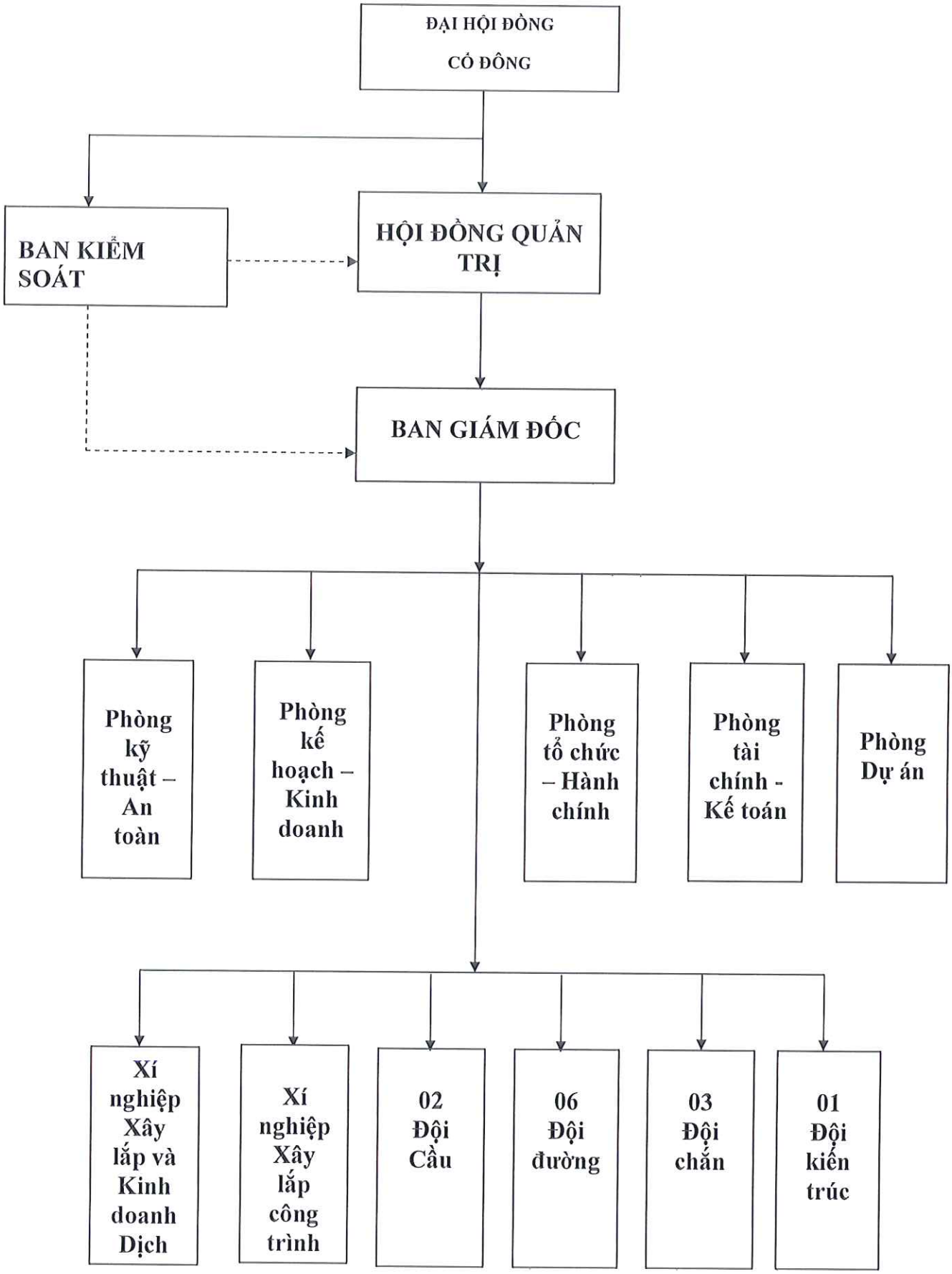

4. Định hướng phát triển.

- Tạo lập môi trường để phát triển Công ty phù hợp với cơ chế thị trường, cơ cấu hợp lý, trình độ chuyên môn hóa cáo và có mô hình kinh doanh năng động, hiệu quả. Từng bước xây dựng và phát triển để Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải trở thành doanh nghiệp mạnh trong ngành đường sắt nói riêng và ngành GTVT nói chung.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Định hướng chung: phát huy ngành nghề truyền thống và từng bước tăng trưởng, vững chắc; đẩy mạnh liên kết trong và ngoài doanh nghiệp tạo cơ hội, nguồn lực để tăng tính cạnh tranh, phát huy hiệu quả; từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh ngày càng cao, tăng trưởng chất lượng tạo ra giá trị gia tăng cao; đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu doanh nghiệp, văn hoá doanh nghiệp;

+ Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt, quản lý bộ máy là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa của doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc;

+ Xây dựng Công ty cổ phần phát triển vững mạnh trong các lĩnh vực: Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp....

+ Nâng cao hiệu quả công tác tài chính, hiệu quả sử dụng vốn bằng cách đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, phát huy tốt các nguồn vốn vay, vốn huy động từ các tổ chức tín dụng và cá nhân phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư với mức tăng trưởng cao;

+ Tăng cường công tác quản lý giá thành, quản lý các định mức kinh tế kỹ thuật. Hoàn thiện công tác khoán cho từng đơn vị với phương châm phát huy tối đa nội lực, khai thác và sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài chính hiện có để vừa đảm bảo tính tập trung thống nhất nhưng linh hoạt để phát huy tốt tính chủ động sáng tạo của cơ sở;

+ Chủ động tài chính đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư. Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư. Thực hiện công tác tài chính công khai, minh bạch và rõ ràng, gắn kết nội bộ và đoàn kết thống nhất cùng chung trách nhiệm và quyền lợi trong toàn Công ty;

+ Xây dựng cụ thể nhu cầu vốn phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh theo hướng tăng dần tỷ lệ vốn chủ sở hữu, giữ mức cân đối giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay, vốn dài hạn và vốn ngắn hạn tương ứng với tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn, đảm bảo nguồn vốn dài hạn đủ để tài trợ cho việc đầu tư vào tài sản dài hạn và còn tài trợ một phần cho nhu cầu vốn lưu động thường xuyên, giảm bớt rủi ro về tài chính;

+ Thường xuyên rà soát, phân loại, đánh giá tài sản không có nhu cầu sử dụng, lạc hậu về kỹ thuật, không có khả năng sinh lời hoặc sinh lời thấp để có biện pháp xử lý cho phù hợp;

+ Theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, có biện pháp cụ thể công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ để giảm nợ tồn đọng, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động;

+ Bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý cho phù hợp với công ty cổ phần như quy chế quản lý tài chính, quản lý các hợp đồng kinh tế ... đảm bảo tính chủ động, nâng cao trách nhiệm cho từng cán bộ công nhân viên trong Công ty với nhiệm vụ, trách nhiệm được giao, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm cho từng cán bộ công nhân viên.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

+ Công ty đã từng bước phát triển trong thời gian vừa qua, dần trở thành một trong những đơn vị có uy tín trong ngành Đường sắt. Nhận thức sâu sắc tầm ảnh hưởng của mình đến xã hội cũng như những thách thức mà toàn xã hội đang đối mặt, Công ty chúng tôi xác định nguyên tắc sản xuất kinh doanh là gắn kết một cách hài hoà giữa mục tiêu kinh doanh với trách nhiệm với xã hội, hướng đến phát triển bền vững. Chúng tôi thực hiện trách nhiệm đối với tất cả các bên liên quan và nỗ lực để mang lại ngày càng nhiều giá trị cho các bên liên quan của mình;

+ Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường;

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Tích cực hưởng ứng, tham gia, tuyên truyền các đợt phát động về bảo vệ môi trường của ngành cũng như của địa phương;

+ Tiếp tục tìm kiếm công ăn việc làm để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các địa phương mà Công ty có đơn vị đóng quân để đảm bảo tốt công tác An toàn chạy tàu, An ninh chính trị và trật tự xã hội.

5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD, mục tiêu của Công ty.

Môi trường bên trong doanh nghiệp:

a) Các yếu tố vật chất:

- Tiền vốn: Vốn là tiền đề vật chất cần thiết cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhưng vấn đề quan trọng là nhà quản trị phải biết sử dụng có hiệu quả đồng vốn đầu tư của mình, nó được phản ánh trên các chỉ tiêu sau: Tốc độ hoàn trả vốn hiệu quả sử dụng vốn và lợi nhuận hàng năm thu được.

- Nhân sự: Con người là yếu tố quyết định mọi sự thành bại của hoạt động sản xuất kinh doanh. Bởi vậy, doanh nghiệp phải chú ý tới việc sử dụng con người, phát triển nhân sự, xây dựng môi trường văn hoá và nề nếp tổ chức của doanh nghiệp. Đồng thời doanh nghiệp phải quan tâm tới các chỉ tiêu rất cơ bản như: Số lượng lao động, trình độ nghề nghiệp, năng suất lao động, thu nhập bình quân, năng lực của cán bộ quản lý...

b) Các yếu tố tinh thần:

- Truyền thống, thói quen: Các truyền thống, thói quen là những yếu tố mang tính rất riêng của doanh nghiệp. Nó được hình thành, tồn tại và phát triển vừa khách quan vừa chủ quan trong quá trình vận động của doanh nghiệp.

- Nền văn hoá:

+ Như ta đã biết những doanh nghiệp có nền văn hoá phát triển sẽ có không khí làm việc say mê luôn đề cao sự chủ động sáng tạo. Ngược lại, những doanh nghiệp có nền văn hoá thấp kém sẽ phổ biến sự bàng quang, thờ ơ và bất lực trước đội ngũ lao động của doanh nghiệp.

+ Biện pháp quan trọng tạo nên nền văn hoá doanh nghiệp mạnh là phải tăng cường các mối liên hệ giao tiếp trao đổi thông tin giữa các thành viên của các tổ chức với nhau thông qua con đường chính thức và đặc biệt là con đường không chính thức. Vì con đường không chính thức cho phép vượt qua được những cách biệt về cấp bậc, về tuổi tác...cho phép hạn chế tác hại của căn bệnh trì trệ quan liêu.

- Giá trị ước vọng của lãnh đạo: Lãnh đạo theo cách lãnh đạo dân chủ lắng nghe ý kiến đóng góp của mọi người. Ước vọng đó được thể hiện qua các quyết định của ban lãnh đạo. Cùng với sự phấn đấu của cán bộ công nhân viên.

Môi trường kinh doanh bên ngoài doanh nghiệp:

a) Môi trường vĩ mô:

- Môi trường kinh tế chính trị.

+ Môi trường này bao gồm: luật pháp các chính sách và cơ chế của nhà nước đối với nghành kinh doanh. Nhà quản trị phải lưu ý tới các yếu tố trên nhằm tiên đoán những thay đổi quan trọng về chính trị trong nước, khu vực và trên thế giới để có những quyết sách đúng đắn trong kinh doanh. Chúng ta có thể xem xét một số khía cạnh ảnh hưởng của môi trường chính trị đến hoạt động của doanh nghiệp. Chẳng hạn, mối quan tâm hàng đầu của nhà nước được thể hiện trong sự thay đổi của luật kinh doanh là bảo vệ các doanh nghiệp, nhưng đồng thời nó lại kích thích tính chất cạnh tranh và giữ thái độ trung gian khi phải đối phó với những xung đột trong cạnh tranh. Điều này bắt buộc mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại phát triển phải biết bám chặt hành lang pháp luật để hành động.

+ Sự ổn định chính trị có ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp, vì rủi ro do môi trường chính trị là rất lớn. Khi chính phủ thay thế nhau có thể dẫn đến những thay đổi đáng kể về chính sách kinh tế, như chính phủ có thể quốc hữu hoá, tịch thu tài sản, ngăn cấm di chuyển ngoại tệ hoặc can thiệp vào chính sách tài chính tiền tệ.

- Môi trường công nghệ kỹ thuật.

+ Hầu như tất cả các hàng hoá sản phẩm được tạo ra hiện nay đều gắn liền với những thành tựu khoa học kỹ thuật -công nghệ. Có thể nói rằng, chúng ta đang sống trong thời kỳ kỹ thuật công nghệ phát triển. Thực tế đã chứng minh rằng doanh nghiệp nào nắm vững kỹ thuật - công nghệ và sớm ứng dụng nó vào sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp đó tồn tại và phát triển.

+ Kỹ thuật - công nghệ với tư cách là một bộ phận của môi trường kinh doanh bên ngoài tác động tác động đến doanh nghiệp trên hai mặt:

. Thứ nhất, công nghệ bên ngoài tác động đến doanh nghiệp thông qua công nghệ bên trong. Đó chính là tốc độ phát triển của khoa học kỹ thuật thể hiện thông qua phát minh, ứng dụng chúng vào cuộc sống đã làm cho công nghệ bên trong của doanh nghiệp nhanh chóng lạc hậu. Doanh nghiệp nào kinh doanh trong các nghành, các lĩnh vực có sự đổi mới công nghệ cao thì sẽ dễ rơi vào tình trạng lạc hậu về công nghệ.

. Thứ hai, công nghệ làm xuất hiện các đối thủ cạnh tranh tiềm năng, đó là những đối thủ kinh doanh các sản phẩm có thể thay thế sản phẩm mà doanh nghiệp đang kinh doanh. Công nghệ phát triển càng nhanh thì chu kỳ sống của sản phẩm càng ngắn.

- Môi trường tự nhiên.

+ Bao gồm các yếu tố liên quan: Tài nguyên thiên nhiên, đất đai, khí hậu thời tiết ... Thực tế cho thấy sự ô nhiễm không khí và môi trường xung quanh đã đến mực báo động. Vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp và chính phủ là không thể thờ ơ với công việc này. Hiện nay, chúng ta đang phải tìm cách đối phó với tình trạng ô nhiễm bằng những cách riêng của mình. Ngoài việc đóng thuế môi trường ra đã có nhiều nhà kinh doanh chủ động tìm cách thay thế nguyên liệu, vật liệu sử dụng năng lượng sạch hoặc nghiên cứu chế tạo, áp dụng các kỹ thuật xử lý chất thải.

+ Các yếu tố môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến doanh nghiệp trên các mặt sau:

. Tạo ra thị trường cung ứng các yếu tố đầu vào cho các doanh nghiệp.

. Tác động đến dung lượng và cơ cấu thị trường hàng tiêu dùng.

. Tác động đến việc làm và thu nhập của dân cư, do đó ảnh hưởng đến sức mua và khả năng tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp.

- Môi trường văn hoá xã hội.

+ Các yếu tố văn hoá xã hội có liên quan với nhau nhưng tính chất tác động của chúng có thể khác nhau. Thực tế người ta luôn sống trong môi trường văn hoá đặc thù, tính đặc thù của mỗi nhóm người vận động theo hai khuynh hướng là giữ lại các tinh hoa văn hoá dân tộc, một khuynh hướng khác là hoà nhập với các nền văn hoá khác.

+ Nhà quản trị là người phải biết nắm vững cả hai khuynh hướng đó để có giải pháp thâm nhập sản phẩm của nhà sản xuất một cách thích hợp vào từng loại thị trường có nền văn hoá khác nhau. Đối với sản phẩm có tính quốc tế thì chỉ có thể thâm nhập từng bước nếu không chúng sẽ bị từ chối và như thế nhà sản xuất rất khó có cơ hội thành công.

+ Văn hoá xã hội nhìn chung ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp trên các mặt sau:

. Văn hoá hình thành nên thói quen tiêu dùng của các nhóm dân cư, từ đó hình thành nên thói quen, sở thích, cách cư sử của khách hàng trên thị trường.

. Văn hoá ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển nền văn hoá bên trong của doanh nghiệp.

. Văn hoá quy định cách thức mà doanh nghiệp có thể dùng để giao tiếp với bên ngoài.

Như vậy, có thể thấy rằng những tác động của văn hoá đến doanh nghiệp là rất lớn, đó chính là những cách thức về văn hoá mà doanh nghiệp luôn phải đối đầu.

b) Môi trường vi mô:

- Khách hàng: Khách hàng là người đang và sẽ mua hàng của doanh nghiệp. Đối với bất cứ một doanh nghiệp nào khách hàng luôn là yếu tố quan trọng nhất, quyết định nhất tới sự sống còn của doanh nghiệp. Tính chất quyết định của khách hàng thể hiện trên các mặt sau:

+ Khách hàng quyết định sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp được bán theo giá nào. Trên thực tế, doanh nghiệp chỉ có thể bán với giá mà người tiêu dùng chấp nhận.

+ Khách hàng quyết định doanh nghiệp bán sản phẩm như thế nào. Phương thức bán và phương thức phục vụ khách hàng là do khách hàng lựa chọn, vì trong nền kinh tế thị trường phát triển, người mua có quyền lựa chọn người bán theo ý thích của mình và đồng thời quyết định phương thức phục vụ của người bán. Điều này cho thấy tính chất quyết định của khách hnàg làm cho thị trường chuyển từ thụ trường người bán sang thị trường người mua, khách hàng trở thành thượng đế.

- Đối thủ cạnh tranh: Doanh nghiệp luôn phải đối phó với hàng loạt đối thủ cạnh tranh. Vấn đề quan trọng ở đây là không được coi thường bất kỳ đối thủ nào, nhưng cũng không coi tất cả đối thủ là thù địch. Cách sử lý khôn ngoan nhất không phải là hướng mũi nhọn vào đối thủ của mình mà ngược lại vừa phải xác định, điều khiển và hoà giải, lại vừa phải hướng suy nghĩ và sự quan tâm của mình vào khách hàng. Phải luôn đặt câu hỏi khách hàng muốn gì? Khi ta thoả mãn được ước muốn của khách hàng, có nghĩa là ta đã thành công một phần trong cạnh tranh. Mặt khác cũng nên quan tâm tới việc dự đoán tương lai và định hướng tới khách hàng. Mỗi sản phẩm đều tuân theo một quy luật nhất định, đó là sự phát sinh, phát triển và suy thoái. Người tiêu dùng là người đi sau sự phát sinh nhưng lại đi trước sự suy thoái. Do vậy, nhà quản trị là người phải biết được khi nào sản phẩm của mình sẽ hết sự hấp dẫn để chuẩn bị ngay sản phẩm thay thế.

- Nhà cung ứng: Người cung cấp đối với doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng, nó bảo đảm cho hoạt động của doanh nghiệp được tiến hành ổn định theo kế hoạch đã định trước. Trên thực tế người cung cấp thường được phân thành ba loại chủ yếu: Loại cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu; loại cung cấp nhân công; loại cung cấp tiền và các dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm. Như vậy, mỗi doanh nghiệp cùng một lúc có quan hệ tới nhiều nguồn cung cấp thuộc cả ba loại trên. Vấn đề đặt ra là yêu cầu của việc cung cấp phải đầy đủ về số lượng, kịp thời về thời gian, đảm bảo về chất lượng và ổn định về giá cả. Mỗi sự sai lệch trong quan hệ với người cung cấp là ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của bản thân doanh nghiệp. Điều này lưu ý với các nhà quản trị là phải biết tìm cách đến được các nguồn lực tin cậy, ổn định và giá cả hợp lý. Phương châm là đa dạng hoá nguồn cung cấp, thực hiện nguyên tắc "không bỏ

tiền vào một ống". Mặt khác, trong quan hệ doanh nghiệp cần thiết tìm một người cung cấp chủ yếu có đầy đủ sự tin cậy, nhưng phải luôn tránh sự lệ thuộc và chủ động xây dựng kế hoạch cung ứng cho mình.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giá trị doanh thu sản xuất kinh doanh năm 2016 đạt 151.408 triệu đồng, đạt 97,3% theo kế hoạch năm và bằng 111,2% so với năm 2015.
- Doanh thu từ sản phẩm công ích đạt 116.809 triệu đồng, đạt 101,3% theo kế hoạch năm và bằng 116,9% so với năm 2015.
- Doanh thu từ sản xuất kinh doanh khác đạt 34.599 triệu đồng đạt 85,7% theo kế hoạch năm và bằng 95,5% so với năm 2015.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 1.849 triệu đồng đạt 103,1% so với kế hoạch năm và bằng 288,2% so với năm 2015.

Các chỉ tiêu chính đã đạt được:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	KH năm 2016 theo NQ ĐHCĐ	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ % so với 2015	Tỷ lệ % so với NQ
1	Doanh thu:	136.172,262	155.639,362	151.408,133	111,2%	97,3%
	Trong đó:					
	- Sản phẩm công ích	99.947,969	115.288,416	116.809,110	116,9%	101,3%
	- Sản xuất kinh doanh khác	36.224,293	40.350,946	34.599,023	95,5%	85,7%
2	Chi phí:	135.530,618	153.845,106	149.558,647	110,4%	97,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	641,64	1.794,256	1.849,486	288,2%	103,1%
4	Tỷ lệ lợi nhuận/ Vốn điều lệ	5,52%	10,40%	10,44%	189,1%	100,4%

2. Tổ chức nhân sự.

Danh sách ban điều hành Công ty:

1. Ông Nguyễn Quốc Vượng

- Chức vụ: Giám đốc, Thành viên HĐQT
- Sinh năm: 1974
- Quê quán: Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Kỹ sư Xây dựng cầu đường, Cử nhân luật
- Số cổ phần sở hữu: 109.274 cổ phiếu
- Số cổ phần sở hữu đại diện cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam: 351.900 cổ phiếu.

2. Ông Nguyễn Quang Long

- Chức vụ: Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT
- Sinh năm: 1978
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường
- Số cổ phần sở hữu: 79.060 cổ phiếu.

3. Ông Nguyễn Như Điền

- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Sinh năm: 1965
- Quê quán: Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng đường sắt
- Số cổ phần sở hữu: 2.090 cổ phiếu.

4. Ông Nguyễn Hoài Trung

- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Sinh năm: 1966
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng đường sắt
- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phiếu.

5. Ông Hoàng Đức Tài

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Sinh năm: 1970
- Quê quán: Nghệ An
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần sở hữu: 16.395 cổ phiếu.

Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.

Chính sách đối với người lao động trong Công ty:

Cơ cấu lao động Công ty năm 2016

Số TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng %
I	**Theo trình độ lao động**		
1	Trên đại học	5	0,49%
2	Đại học	116	11,26%
3	Cao đẳng	24	2,33%
4	Trung cấp	35	3,40%
5	Khác	850	82,52%
II	**Theo giới tính**		
1	Nam	578	56,12%
2	Nữ	452	43,88%
	Tổng số	1.030	100,00%

Công tác nhân sự tiền lương:

Trong năm 2016 Công đã tích cực tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ để mở thêm các thị trường mới, tìm kiếm những công trình phù hợp với khả năng. Từ đó người lao động được trả lương xứng đáng với năng lực của mình. Cụ thể thu nhập bình quân năm 2016 là: 6,054 triệu đồng/người/tháng, tăng 16,75% so với năm 2015.

Các hoạt động phong trào:

- Thiết thực trào mừng 71 năm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/09/1945 - 02/09/2016) và kỷ niệm 70 ngày truyền thống Ngành Đường sắt Việt Nam (21/10/1946 - 21/10/2016). Công ty đã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhằm khích lệ tinh thần hăng say lao động sản xuất của CBCNV lao động trong toàn Công ty.
- Hội thao "Cụm Văn hóa - Thể thao đường sắt khu vực phía bắc".
- Hội diễn văn nghệ chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống Ngành Đường sắt Việt Nam.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.

Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư hiện đầu tư dự án mua máy móc thiết bị thi công đường sắt, sau khi được Tổng công ty ĐSVN đồng ý cho phép đầu tư tại Văn bản số 3733/ĐS-QLHT ngày 02/12/2016, như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên thiết bị	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Tiến độ thực hiện
1	Máy cắt ray (02 cái)	137	137	Từ tháng 12/2016 đến hết quý I/2017
2	Máy khoan ray (04 cái)	288	288	
3	Máy xiết bu lông (02 cái)	500	499,4	
4	Máy chèn (03 cái)	1.200	1.198,5	
	Tổng cộng	2.125	2.122,9	

- Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.

4. Tình hình tài chính.

a) Một số chỉ tiêu báo cáo tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	72.176,33	73.208,05	1,42
Doanh thu thuần	134.869,87	150.573,86	11,64
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	102,90	1.958,75	1803,54

Lợi nhuận khác	538,73	-109,26	
Lợi nhuận trước thuế	641,64	1.849,48	188,24
Lợi nhuận sau thuế	500,48	1.441,57	188,03

b) Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm2015	Năm 2016	Chi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,06	1,14	
Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,91	0,98	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,84	0,80	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	5,5	4,28	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
+ Doanh thu tuần/Tổng tài sản	1,86	2,05	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thế/Doanh thu thuần	0,004	0,009	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,045	0,104	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,006	0,019	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,0007	0,0130	

- Công ty không có nợ xấu và các tài sản xấu làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

- Công ty không có biến động lớn về nợ phải trả và không có các ảnh hưởng về chênh lệch tỷ giá hối đoái làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 1.380.000 cổ phần.

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.380.000 cổ phần.
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 (không) cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: *(Tại thời điểm 20/10/2016)*

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	**Cổ đông trong nước**			
	Tổ chức	01	703.800	51%
	Cá nhân	374	676.200	49%
	Cổ đông lớn	0	0	0
II	**Cổ đông nước ngoài**			
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
III	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**
	TỔNG CỘNG	**375**	**1.380.000**	**100%**

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2016 Công ty không có sự kiện phát sinh nào làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.

Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến chỉ tiêu SXKD năm 2016

a) Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; tập thể lãnh đạo và người lao động trong Công ty luôn đoàn kết, chủ động, quyết tâm đổi mới xây dựng Công ty phát triển bền vững. Vì vậy Công ty đã chủ động điều hành kế hoạch sản xuất đảm bảo an toàn chạy tàu, giữ vững công lệnh tốc độ và tải trọng, hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý bảo trì KCHTĐS quốc gia, đồng thời phát triển các dịch vụ ngoài công ích góp phần hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu SXKD do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải đề ra.
- Bộ máy tổ chức được sắp xếp lại, tinh gọn (Trước cổ phần hóa có 44 bộ phận trực thuộc công ty, sau cổ phần hóa chỉ còn 19 bộ phận trực thuộc Công ty), tinh giảm định biên lao động (Trước cổ phần hóa, tổng số lao động là 1.280 người, sau cổ phần hóa số lao động là 1.110 người và hiện nay là 1.023 người) đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

b) Khó khăn:

- Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp, đầu mối của 05 tuyến đường sắt, quản lý cả đường đơn và đường lồng. Kết cấu hạ tầng

đường sắt (KCHTĐS) trong phạm vi quản lý của Công ty không có chuyển biến nhiều, còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn; nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế cấp chỉ đủ để duy trì trạng thái kỹ thuật KCHTĐS hiện có, chưa đáp ứng khắc phục được mức độ xuống cấp của cầu đường.

- Lương tối thiểu vùng tăng dẫn đến các chi phí cho người lao động như tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tăng gây khó khăn cho việc cân đối thu chi của Công ty.

- An toàn giao thông đường sắt luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do hành lang an toàn giao thông đường sắt bị xâm lấn, mật độ đường ngang và đường dân sinh qua đường sắt nhiều. Những vụ tai nạn, trở ngại do người và phương tiện giao thông đường bộ vi phạm Luật giao thông đường bộ, đường sắt gây ra đã làm thiệt hại nhiều về vật chất và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ của ngành đường sắt.

- Tổng số lao động toàn Công ty còn cao (đặc biệt là lực lượng gác chắc do đặc thù Công ty có nhiều đường ngang), lực lượng nhân sự trình độ cao còn thiếu, chưa có kinh nghiệm thi công các công trình lớn. Một bộ phận cán bộ, nhân viên chậm đổi mới phong cách làm việc, chưa tuân thủ nội quy lao động, quy chế hoạt động của Công ty cổ phần nên trách nhiệm cá nhân chưa cao, thậm chí có trường hợp thụ động chờ việc, vẫn còn mang tặng tư tưởng bao cấp nên không muốn đi làm xa nhà, vất vả, làm việc không có hiệu quả, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kinh nghiệm, năng lực của Công ty còn yếu, năng suất lao động thấp, chưa có điều kiện đầu tư nhiều máy móc thiệt bị cơ giới hóa thi công, chưa có thương hiệu trong khi phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm việc làm luôn là một thách thức lớn.

+ Tổng doanh thu chỉ đạt được là: 151.408 triệu đồng tăng 11,2% so với năm 2015 và bằng 97,3% so với kế hoạch năm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Lợi nhuận sau thuế là: 1.441 triệu đồng tăng 188,03% so với năm 2015 và bằng 100,4% so với kế hoạch năm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm vừa qua, mặc dù nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn do sự suy thoái của kinh tế toàn cầu, song Công ty vẫn duy trì và ổn định SXKD. Để đạt được những kết quả trên, HĐQT và Ban Giám đốc đã có những bước đi đúng đắn trong chiến lược SXKD cũng như không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, cụ thể:

- Tổ chức, nhân sự: Được sự chấp thuận của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại văn bản số 1212/ĐS-TCCB ngày 12/5/2016 về việc tổ chức, sắp xếp các đơn vị thuộc Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải.

- Duy trì ổn định SXKD, đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

- Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công xứng đáng với năng lực công việc và các chế độ khác theo qui định; được thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ.

- Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.

- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tầu trên các tuyến đường được giao quản lý, bảo trì.

- Tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quy định khi tham gia thị trường chứng khoán.

- Xây dựng website quản lý văn bản nội bộ của Công ty với mục đích đảm bảo thông suốt mọi lúc, mọi nơi các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đến người lao động.

- Thực hiện nghiêm túc các văn bản, quy định của Nhà nước có liên quan để phục vụ tốt cho công tác giám sát và quản lý của Công ty.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Nội quy, Quy chế nội bộ của Công ty để phù hợp với tình hình mới.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh làm ăn cơ sở để bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước:

- Sản phẩm công ích: Hoàn thành 100% khối lượng theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng cao nhất.

- Sản phẩm ngoài công ích: Để đảm bảo tổng doanh thu năm 2017 không thấp hơn năm 2016 do doanh thu sản phẩm công ích được giao giảm 96,5% so với năm 2016, Công ty tiếp tục thực hiện tốt các hợp đồng đã ký và tăng cường quan hệ với đối tác bên ngoài để tìm việc làm, đảm bảo doanh thu khác năm 2017 tăng trưởng 33,5% so với năm 2016.

- Phát huy những kết quả đã đạt được, CBCNV Công ty tiếp tục đẩy mạnh mục tiêu phát triển bền vững.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá.

- Trong năm 2016, do việc tiết giảm vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước nên rất ít các công trình sửa chữa lớn KCHTĐS được triển khai, cùng sự cạnh tranh gay gắt với các đơn vị cùng lĩnh vực trong ngành và hồ sơ năng lực còn rất yếu của Công ty nên việc tìm kiếm công việc ngoài sản phẩm công ích rất khó khăn.

- Trong khi đó, sản phẩm công ích năm 2016 được Bộ GTVT phê duyệt phương án giá và Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam đặt hàng theo phương thức mới là bổ sung thêm hệ số mật độ chạy tàu nên đơn giá bình quân trên Km duy tu của các tuyến đường Công ty quản lý rất thấp, chỉ bằng 38,6% đơn giá tính đủ. Giá trị vật tư đầu tư cho tuyến cũng tăng cao từ 13,9% trên tổng mức đầu tư năm 2015 lên 21,6% trên tổng mức năm 2016 nên đơn giá nhân công không có điều kiện được tăng lên.

Tuy nhiên, được sự chỉ đạo sát sao của Bộ GTVT và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam cùng sự quyết tâm của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD đã được đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất giao cho.

- Doanh thu thực hiện đạt 151.408 triệu đồng đạt 97,3% so với kế hoạch năm và 111,2% so với năm 2015:

Trong đó:

+ Sản phẩm công ích: 116.809 triệu đồng bằng 101,3 % so với kế hoạch.

+ Sản xuất kinh doanh khác: 34.599 triệu đồng bằng 85,7% so với kế hoạch.

+ Lợi nhuận sau thuế là: 1.441 triệu đồng bằng 103,07% so với kế hoạch.

+ Tỷ lệ cổ tức 7,312% /Vốn điều lệ.

Tiền lương và thu nhập: Thu nhập bình quân năm 2016 là: 6,054 triệu đồng/người/tháng, bằng 16,75% so với năm 2015.

Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu và giữ vững được công lệnh tốc độ, tải trọng.

Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và các hoạt động văn hóa, thể thao, đời sống tinh thần của CBCNV ngày càng được cải thiện.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.

- Công ty quản lý một khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp, đầu mối của 05 tuyến đường sắt, quản lý cả đường đơn và cả đường lồng. Kết cấu hạ tầng đường sắt trong phạm vị quản lý; trạng thái cầu đường trong phạm vi quản lý bị xuống cấp, ….

- Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty nỗ lực điều hành đạt kết quả rất ấn tượng. Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng, nỗ lực cùng Hội đồng quản trị tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho CBCNV. Các thành viên trong Ban Giám đốc Công ty đều là các nhân sự giàu kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt và điều hành hiệu quả trong mọi công việc.

- Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng Pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro, chỉ đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty.

- Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, toàn bộ Ban Giám đốc đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đặt hàng và giao kế hoạch của Hội đồng quản trị phê duyệt. Các kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc và khoa học, qua đó hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm đã được hoàn thành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Theo nhận định của Hội đồng quản trị, năm 2017 Công ty sẽ tiếp tục duy trì được sự ổn định và phát triển bởi những điều kiện thuận lợi sau:

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ GTVT và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.
- Nội quy, quy chế hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần đã phát huy hiệu quả tạo ra phương thức tổ chức chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD mới năng động, sáng tạo hơn.
- Những kết quả khả quan năm 2016 đã đề ra tinh thần phấn khởi cho CBCNV toàn Công ty, tạo đà cho phong trào thi đua SXKD năm 2017.

Tuy nhiên, Công ty cũng gặp phải không ít khó khăn, thách thức trong năm tới đó là:

- Khối lượng sản phẩm công ích năm 2017 được giao tương đương với năm 2016, nhưng nguồn kinh tế sự nghiệp lại giảm 4,5 tỷ so với năm 2016.
- Sự cạnh tranh gay gắt hơn của các đơn vị cùng lĩnh vực trong ngành đường sắt trong việc tham gia công tác sửa chữa lớn công trình đường sắt của ngành cũng như các khách hàng có đường sắt chuyên dùng. Mặt khác, các quy định trong Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 có nhiều điểm tạo ra rào cản pháp lý làm khó khăn trong việc tham gia đấu thầu như: Công trình có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 5 tỷ đồng; tỷ lệ vốn sở hữu Nhà nước; các công trình có vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế...

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị định hướng như sau:

- Tiếp tục tập trung công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, trong đó tập trung cao nhất nguồn lực vào công tác hoàn thành 100% khối lượng sản phẩm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng cao nhất; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng.
- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, khai thác các sản phẩm, dịch vụ ngoài công ích có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2016 nhằm bù đắp khối lượng sản phẩm công ích sụt giảm, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.
- Chỉ đạo Ban Giám đốc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, trọng dụng nguồn nhân lực có chuyên môn cao, tâm huyết, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực cho Công ty. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, tăng cường công tác đào tạo nâng

cao tay nghề, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm của CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Tăng cường kiểm tra tuân thủ quy trình, quy phạm trong sản xuất, minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị để đáp ứng kịp thời các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

- Đề xuất các phương án tái cơ cấu linh hoạt điều chỉnh mô hình tổ chức sản xuất của Công ty thích ứng tốt nhất với các quy định mới của pháp luật, kịp thời đón bắt các cơ hội kinh doanh mới nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu
1	Lê Hữu Hưng	Chủ tịch HĐQT	1.527
2	Nguyễn Quốc Vượng	Thành viên HĐQT - Giám đốc	109.274
3	Nguyễn Quang Long	Thành viên HĐQT - Phó giám đốc	79.060

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *Không có*

c) Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức 22 cuộc họp để thông qua các nội dung chính như sau:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Về công tác tái cơ cấu, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp

+ Đã hoàn thành công tác sắp xếp thu gọn đầu mối khối cơ quan trong quá trình chuẩn bị cho công tác CPH: sắp xếp 9 phòng thành 05 phòng chuyên môn,

+ Hoàn thành công tác sắp xếp thu gọn đầu mối khối hiện trường: sắp xếp 33 cung, đội thành 06 đội đường; 02 đội cầu; 03 đội chắn, 01 đội kiến trúc.

+ Thành lập 1 Chi nhánh công ty - Xí nghiệp xây lắp công trình

- Thông qua các quy chế nội bộ của Công ty: Quy chế quản lý tài chính; Quy chế đối thoại; Quy chế Hội nghị người lao động; Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Xã hội; Quy chế tuyển dụng lao động; Quy chế Thi đua Khen thưởng; Quy chế Văn hóa Công sở; Quy chế khoán Công tác phí; Quy chế mua sắm nhập khẩu, vật tư thiết bị; Nội quy lao động….

- Thông qua các quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động các phòng, các Đội, đường và các chức danh trong Đội cầu, đường; các quy định khoán;

- Thông qua các quy định khoán của Công ty: Khoán văn phòng phẩm cơ quan Công ty, đơn vị; Khoán bóng đèn thay thế; khoán dụng cụ sản xuất; khoán sử dụng nước; sử dụng điện cho các đơn vị….

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng quản trị.

- Quy trình lập Kế hoạch và triển khai thực hiện công tác sửa chữa, bảo trì KCHTĐS; Quy trình lập Kế hoạch bảo trì KCHTĐS hàng năm; Quy trình lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì KCHTĐS; Quy trình lập Lập phương án tác nghiệp kỹ thuật quý; Quy trình triển khai phương án tác nghiệp kỹ thuật quý; Quy trình tổ chức nghiệm thu và thanh toán.

- Thông qua hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng.

- Thông qua việc đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom.

- Phê duyệt kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật các quý trong năm 2016;

- Phê duyệt phương án thành lập các Đội duy tu cầu, đường;

- Quyết định một số nội dung liên quan đến tổ chức, sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty

- Phối hợp chặt chẽ với Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: *Không có.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không có.*

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Thị Ngải	Trưởng ban	2.251
2	Nguyễn Văn Cương	Thành viên	0
3	Trịnh Thị Diệu Quỳnh	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã họp thống nhất qui chế hoạt động của ban và phân công nhiệm vụ hợp lý cho từng thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các thành viên của Ban căn cứ các nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng Quản trị, thường xuyên phối hợp, đóng góp và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị, ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ SXKD để hoàn thành các chỉ tiêu nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của Xã hội, Công ty và các Cổ đông.

Kết quả hoạt động cụ thể:

- Ban Kiểm soát cùng tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi bổ sung và xây dựng mới các qui chế quản lý, qui định, qui trình, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận cho phù hợp với yêu cầu và mô hình mới của Công ty Cổ phần.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, và các văn bản của Tổng Công ty ĐSVN, báo cáo kết quả công tác điều hành của lãnh đạo Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả SXKD năm 2016 của Công ty.

- Cập nhật xem xét tiến độ thực hiện các hợp đồng có gía trị lớn: Đấu thầu mua ray thuộc nguồn SCTX 2016 và mua MMTB thuộc nguồn vốn Khấu hao cơ bản năm 2016, 2017.

- Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ thực hiện các nội dung của các qui chế: Quản lý tài chính, quản lý nhân sự và chính sách tiền lương, tiền thưởng v.v…, giám sát việc thực hiện, bổ sung, sửa đổi những qui chế trên.

- Xem xét việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo qui định của pháp luật và của cấp trên: Thuế, BHXH, BHYT, BH thất nghiệp, Trích nộp cấp trên v.v…

- Kiểm tra đánh giá tính hợp lý từng vấn đề cụ thể liên quan đến các số liệu, các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính quí, 6 tháng và năm 2016. Việc phân chia lợi nhuận năm 2015, 2016 và sử dụng các quĩ trong năm 2016.

- Báo cáo một số chỉ tiêu hoạt động SXKD theo yêu cầu của cấp trên và Điều lệ của Công ty định kỳ 6 tháng và năm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản lợi ích	Thù lao
1	Lê Hữu Hưng	Chủ tịch HĐQT	224,398	
2	Nguyễn Quốc Vượng	Thành viên HĐQT - Giám đốc	219,972	3
3	Nguyễn Quang Long	Thành viên HĐQT - Phó giám đốc	191,123	3
4	Nguyễn Như Điền	Phó Giám đốc	203,628	
5	Nguyễn Hoài Trung	Phó Giám đốc	201,678	
6	Nguyễn Thị Ngải	Trưởng Ban KS	185,717	
7	Nguyễn Văn Cương	Thành viên Ban KS	89,550	2,5
8	Trịnh Thị Diệu Quỳnh	Thành viên Ban KS	66,225	2,5

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có phát sinh.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty dựa theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Nội quy, Quy chế nội bộ của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán.

"Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật về kế toán là: Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
- Báo cáo tài chính phát hành ngày 27 tháng 02 năm 2017 gồm:

a) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016:

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (31/12/2016)	Số đầu năm (tính từ 6/1/2016)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**67,563,733,733**	**64,965,480,867**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**4,714,727,566**	**6,640,415,495**
1. Tiền	111		3,484,647,566	1,569,395,495
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,230,080,000	5,071,020,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**53,130,482,999**	**48,417,738,515**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		50,947,808,508	45,405,400,944
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		412,967,449	151,890,361
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1,769,707,042	2,860,447,210
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**		**9,692,078,622**	**9,296,863,305**
1. Hàng tồn kho	141		9,692,078,622	9,296,863,305
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**26,444,546**	**610,463,552**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26,444,546	547,834,519
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			

3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			62,629,033
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5,644,324,709**	**7,210,854,484**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	**220**		**4,622,665,041**	**6,110,056,157**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4,615,615,041	6,091,256,157
- Nguyên giá	222		*15,090,300,232*	*15,090,300,232*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		*(10,474,685,191)*	*(8,999,044,075)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		7,050,000	18,800,000
- Nguyên giá	228		*47,000,000*	*47,000,000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		*(39,950,000)*	*(28,200,000)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**50,091,990**	**50,091,990**
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50,091,990	50,091,990
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**971,567,678**	**1,050,706,337**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		971,567,678	1,050,706,337
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			

4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**73,208,058,442**	**72,176,335,351**
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**59,119,743,705**	**61,078,553,767**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**59,119,743,705**	**61,078,553,767**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		32,744,074,599	31,567,491,413
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,576,324,000	2,293,870,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		3,894,109,285	3,591,441,500
4. Phải trả người lao động	314		119,492,261	608,346,036
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		19,694,643	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		18,432,612,383	22,448,477,231
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		261,235,335	272,821,756
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		72,201,199	296,105,831
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	**330**			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**14,088,314,737**	**11,097,781,584**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**14,088,314,737**	**11,097,781,584**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13,800,000,000	6,464,866,442
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		*13,800,000,000*	6,464,866,442
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			

4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			4,632,915,142
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		288,314,737	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**73,208,058,442**	**72,176,335,351**

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016:

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (Từ ngày 07/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước(Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 06/01/2016)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**		**150,573,860,552**	**134,869,867,095**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**2**			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**150,573,860,552**	**134,869,867,095**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**138,931,894,419**	**125,646,666,370**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	**20**		**11,641,966,133**	**9,223,200,725**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		711,087,193	655,378,135
7. Chi phí tài chính	**22**			
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23			
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	**24**			
9. Chi phí bán hàng	**25**			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**26**		10,394,297,399	9,775,671,925
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động	**30**		**1,958,755,927**	**102,906,935**

kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}				
12. Thu nhập khác	**31**		123,185,514	647,016,782
13. Chi phí khác	**32**		232,455,057	108,280,347
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(109,269,543)**	**538,736,435**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**1,849,486,384**	**641,643,370**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**		407,912,700	141,161,541
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	**60**		**1,441,573,684**	**500,481,829**
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	**61**			
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	**62**			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**		**940**	
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**71**		**940**	

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (Từ ngày 07/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 06/01/2016)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		161,211,803,397	138,432,603,710
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(89,846,891,944)	(58,978,791,627)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(58,483,351,875)	(78,028,612,226)
4. Tiền lãi vay đã trả	4			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(49,562,123)	(376,784,525)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		34,733,325,259	7,013,854,648
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(50,211,290,796)	(3,619,818,767)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(2,645,968,082)***	***4,442,451,213***

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(54,545,454)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		720,280,153	655,378,135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***720,280,153***	***600,832,681***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(1,925,687,929)**	**5,043,283,894**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**6,640,415,495**	**1,597,131,601**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**4,714,727,566**	**6,640,415,495**

Toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán và được đăng tải trên website của Công ty http://www.duongsathahai.vn/ và được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Vượng

Nơi nhận:
- UBCK Nhà nước;
- Sở GDCK Hà Nội;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.